

Bản án số: 836/2026/DS-PT
Ngày: 28 - 7 - 2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Thọ.

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Trung Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 888/2026/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2025/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 935/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trầm Văn D, sinh năm 1973 (vắng mặt).

2. Bà Tăng Thị L, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 545, ấp Nguyễn T, xã C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Duy K, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Phạm Thành H, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã C, thành phố Cần Thơ). (Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2026), (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp Nguyễn T, xã C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Duy Khát triển nông thôn Việt Nam, địa chỉ: Số 02, LH, phường G,

thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn T – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh C; địa chỉ chi nhánh: Ấp C, xã A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Hồ Thị O, sinh năm 1958 (vắng mặt).
3. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1982 (vắng mặt).
4. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 (vắng mặt).
5. Ông Nguyễn Văn Z, sinh năm 1986 (vắng mặt).
6. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988 (vắng mặt).
7. Bà Nguyễn Thị Ê, sinh năm 1990 (vắng mặt).
8. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1992 (vắng mặt).
9. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1994 (vắng mặt).
10. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1996 (vắng mặt).
11. Chị Nguyễn Thị Yến I, sinh năm 2009 (vắng mặt).
12. Chị Nguyễn Thị Yến Như, sinh năm 2011 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Nguyễn T, xã C, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 02/4/2021, các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L trình bày:

Vợ chồng ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L có đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 289286, diện tích 14.686m², thửa đất số 469 và 537, cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp Nguyễn Tăng, xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, được Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp ngày 23/02/2006, cấp cho ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L (được đính chính lại từ tên Trầm Văn D thành Trầm Văn D ngày 24/11/2020).

Trong đó, thửa đất số 537 của vợ chồng ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L giáp ranh với thửa đất số 470, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp Nguyễn Tăng, xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Văn C.

Thửa đất của vợ chồng ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L giáp ranh với thửa đất của ông Nguyễn Văn C là cái bờ, hết phần đất cái bờ là của ông Nguyễn Văn C từ mé mương là đất của vợ chồng ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L. Đến năm 2007, ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L mới lấp cái mương thành cái bờ liền mí với ông Nguyễn Văn C chiều ngang 1,2m, chiều dài khoảng 110m, để làm lối đi

thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển mía xuống ghe khi thu hoạch. Từ đó mỗi người quản lý, sử dụng phần đất của mình ổn định cho đến nay.

Vào tháng 6 năm 2020 thì ông Nguyễn Văn C chiếm dụng hết cái bờ của ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L nên giữa vợ chồng ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L và ông C xảy ra tranh chấp. Như vậy, hiện tại ông Nguyễn Văn C đã lấn chiếm sang phần ranh đất của vợ chồng ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L có chiều ngang 1,2m, chiều dài khoảng 110m, diện tích khoảng 132m².

Nay ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L yêu cầu như sau:

Yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả lại phần đất lấn chiếm có chiều ngang khoảng 1,2m, chiều dài khoảng 110m, diện tích khoảng 132m², thuộc thửa đất số 537, tờ bản đồ số 05 do ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông Nguyễn Văn C không có lấn đất của ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L. Phần đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của ông từ trước, vì ông nhận chuyển nhượng đất trước 10 năm thì ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L mới về ở.

Ông Nguyễn Văn C đề nghị Tòa án bác đơn kiện của ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L.

Hiện nay, phần đất cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn C đang thế chấp vay tại Ngân hàng NN và phát triển NN – Chi nhánh Cù Lao Dung. Đất cấp cho hộ gia đình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

+ Ngân hàng NN và phát triển nông thôn V (có đơn xin vắng mặt).

Theo Công văn số 277/NHNo.CLD, Lê Duy Khát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cù Lao Dung có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Văn C có vay nợ tại Ngân hàng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số H246750, diện tích 9.425m².

Về việc tranh chấp đất của ông Nguyễn Văn C với ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L Ngân hàng có ý kiến: Đề nghị ông Nguyễn Văn C trả nợ tiền vay Ngân hàng, sau đó rút tài sản thế chấp tại Ngân hàng về giải quyết tranh chấp với nhau. Khi cần thiết Ngân hàng sẽ khởi kiện ông Nguyễn Văn C ở một vụ kiện khác. Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Do bản việc tại đơn vị nên Ngân hàng làm văn bản này đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Hồ Thị O, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn Z, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Ê, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị V (Ven), ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Yến I và bà Nguyễn Thị Yến I đều vắng mặt.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2025/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2025 đã quyết định: Căn cứ khoản 2, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 101, Điều 104, Điều 106, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 169, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228,

Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 175 và Điều 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 (nay là Điều 26, Điều 236 của Luật Đất đai 2024); Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02/4/2021.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2025, nguyên đơn ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2025/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ và được Tòa án cấp sơ thẩm nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

+ *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo và cho rằng:* Thửa đất số 537 thiếu diện tích 778,7m², trong khi đó đất của ông C giáp ranh là thửa đất số 470 thì thửa diện tích 325,4m². Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp nằm giữa 02 thửa đất số 537 và 470, gia đình ông D về ở trên đất sau gia đình ông C, đất trên bờ là của ông C, cái mương là của ông D, ông D lấp mương để làm đường đi nhưng ông C chiếm sử dụng vào năm 2020 đến nay. Do bị đơn không đồng ý việc rút đơn khởi kiện và kháng cáo, nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, buộc ông C trả lại phần đất lấn chiếm chiều ngang khoảng 1,2m, chiều dài khoảng 110m, diện tích khoảng 132m² (theo đo đạc thực tế diện tích 133,5m²), thuộc thửa đất số 537, tờ bản đồ số 05.

+ *Bị đơn ông C cho rằng:* Vụ án tranh chấp đã lâu, qua nhiều cấp giải quyết, nên không đồng ý việc rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của phía nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm vụ án. Phần đất tranh chấp là cái bờ của gia đình ông có từ trước tới nay, có trước khi gia đình ông D về ở trên đất hiện nay, không phải cái mương của ông D đã lấp, không phải đất của nguyên đơn, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

+ *Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.*

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông D, bà L và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần hai, nguyên đơn ông Trầm Văn D, bà Tăng Thị L vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng NN và phát triển nông V vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Hồ Thị O, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Z, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Ê, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị V (Ven), ông Nguyễn Văn X, chị Nguyễn Thị Yên I, chị Nguyễn Thị Yên I đều vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của những người vừa nêu không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo của nguyên đơn ông D, bà L là đúng chủ thể có quyền kháng cáo, đảm bảo về hình thức và còn trong thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, nhưng bị đơn không đồng ý. Do đó, Tòa án căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 299 của Bộ luật TTDS, không chấp nhận đối với yêu cầu rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo như vừa nêu và tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông D, bà L về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm heo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà; buộc ông C trả lại phần đất lấn chiếm chiều ngang khoảng 1,2m, chiều dài khoảng 110m, diện tích khoảng 132m² (theo đo đạc thực tế diện tích 133,5m²), thuộc thửa đất số 537, tờ bản đồ số 05. Xét thấy:

[4.1] Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện Cù Lao Dung cấp cho nguyên đơn ngày 23/02/2006 tại thửa số 468 và 537, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Phú với tổng diện tích là 14.686m². Cả hai thửa đất số 468 và 537 liền ranh với nhau, hiện nguyên đơn đang canh tác, đồng thời Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn cũng không thể hiện cụ thể diện tích thửa đất số 537 là bao nhiêu m².

[4.2] Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 20/5/2025 (BL số 54) và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/4/2025 và ngày 04/9/2025 thể hiện: Phần đất các bên đang tranh chấp nằm giữa thửa đất số 537 (do nguyên đơn đứng tên quyền sử dụng đất) và thửa đất số 470, cùng tờ bản đồ số 05 (do bị đơn đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất). Trên phần đất tranh chấp có cây trồng là chuối do bị đơn trồng, sử dụng. Ngoài ra trên phần đất tranh chấp còn có gốc cây bạch đàn và gốc dừa cũng do bị đơn trồng.

[4.3] Mặt khác, đối với thửa đất số 537 của nguyên đơn, hồ sơ cấp giấy thể hiện vào ngày 12/8/2005 có tiến hành xác minh, đo đạc thực tế nhưng các cạnh thể hiện chung của cả thửa 468 và 537 với tổng diện tích 14.686m²; qua xem xét, chỉ có cơ sở xác định số đo cạnh thửa hướng đông thửa đất số 537 của nguyên đơn giáp với thửa đất số 470 của bị đơn có số đo tại thời điểm cấp giấy là 147m, trong khi đó theo kết quả đo đạc ngày 03/4/2025 thì cạnh này có số đo 116,80m, ngắn hơn 29m so với thời điểm cấp giấy. Như vậy, diện tích theo đo đạc thực tế của thửa đất số 537 nhỏ hơn diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với hiện trạng đo đạc; bởi lẽ, theo sơ đồ đo đạc, thì càng về phía thửa đất số 537 của nguyên đơn, hướng về thửa đất số 468 (cũng do nguyên đơn đứng tên) thì cạnh giáp với thửa đất số 470 có số đo càng lớn (ranh do nguyên đơn chỉ có số đo 116,80m, ranh do bị đơn chỉ có số đo 118m).

[4.4] Bên cạnh đó, bị đơn có quá trình quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài tại thửa đất số 470 từ năm 1995 cho đến nay; trong khi nguyên đơn nhận chuyển nhượng từ bà Phú từ năm 2006. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/9/2025, thể hiện trên phần đất tranh chấp có cây dừa và gốc bạch đàn, các bên đều thừa nhận do bị đơn trồng, quản lý, nên phần đất tranh chấp là của bị đơn. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định khoản 5, 8 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2024. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

[5] Từ những nhận định tại mục [4] nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông D, bà L là không có căn cứ, nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm chưa nêu cụ thể diện tích, thửa đất, tờ bản đồ, tọa lạc của phần đất không chấp nhận, nên Hội đồng xét xử bổ sung cho đầy đủ.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, nên nguyên đơn ông D, bà L mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật TTDS và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông D, bà L và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148, điểm a khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2025/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ. Án được tuyên lại như sau:

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02/4/2021 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả lại phần đất lấn chiếm chiều ngang khoảng 1,2m, chiều dài khoảng 110m, diện tích khoảng 132m² (theo đo đạc thực tế diện tích 133,5m²), thuộc thửa đất số 537, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp Nguyễn Tăng, xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã Cù Lao Dung, thành phố Cần Thơ).

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí số tiền là 28.343.480 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi đồng), ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L cùng phải chịu số tiền này và đã nộp xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu không được chấp nhận. Ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007112 ngày 02/4/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung nên được khấu trừ và xem như xong.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trầm Văn D và bà Tăng Thị L cùng phải chịu số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000276 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ; xem như Trầm Văn D và bà Tăng Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 9 - Cần Thơ
- THADS khu vực 9 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn